

# BẢN TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN - TƯ LIỆU, VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**Số chào mừng Ngày Khoa học & Công nghệ**
**và 47 năm Ngày thành lập Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam**

## VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM






# TÊN GỌI VÀ LÃNH ĐẠO VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

## 1975 - VIỆN KHOA HỌC VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 5 năm 1975, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 118/CP thành lập Viện Khoa học Việt Nam.

## 1975 - GS.VS. TRẦN ĐẠI NGHĨA

GS.VS. Trần Đại Nghĩa (1913 – 1997) là kỹ sư quân sự, nhà bác học, Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, người đã đặt nền móng xây dựng ngành khoa học kỹ thuật quân sự và công nghiệp quốc phòng Việt Nam. Ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Cụm công trình nghiên cứu và chỉ đạo kỹ thuật chế tạo vũ khí (Bazooka, súng không giật, đạn bay).

## 1983 - GS.VS. NGUYỄN VĂN HIỆU

GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu sinh năm 1938, Ủy viên BCH Trung ương Đảng khóa VI, VII, VIII; Đại biểu Quốc hội khóa IV, V, VI, VII và VIII, là Giáo sư, Tiến sĩ khoa học ngành Vật lý lý thuyết và Vật lý toán học xuất sắc của Việt Nam; là Viện sĩ nước ngoài của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ 3. Các giải thưởng đã được phong tặng: Giải thưởng Lê nin, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Huân chương độc lập hạng Nhất, danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

## 1993 - TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Ngày 22 tháng 5 năm 1993, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 24/CP thành lập Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.

## 1994 - GS.VS. ĐẶNG VŨ MINH

GS.VS. Đặng Vũ Minh sinh năm 1946, Ủy viên BCH Trung ương Đảng khóa VIII, IX, X; Đại biểu Quốc hội khóa XII, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, là Nhà Hóa học, Tiến sĩ Khoa học, Viện sĩ nước ngoài của Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Các danh hiệu đã được phong tặng: Huân chương Lao động hạng Nhất; Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; Giải thưởng Nhà nước về khoa học và Công nghệ năm 2005.

## 2004 - VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Ngày 16/01/2004 Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2004/NĐ-CP đổi tên Trung tâm KHTN&CN Quốc gia thành Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

## 2008 - GS.VS CHÂU VĂN MINH

GS.VS. Châu Văn Minh sinh năm 1961, Ủy viên BCH Trung ương Đảng khóa XI, XII, XIII. Ông là nhà khoa học lớn của Việt Nam chuyên ngành Hóa học, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước. Năm 2014, Giáo sư Châu Văn Minh được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Belarus (thuộc hệ thống Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô cũ). Ngày 02/4/2021 ông được Nhà nước Pháp trao Huân chương Bắc đẩu Bội tinh.

## 2012 - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Ngày 25/12/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định 108/2012/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

## 2017 - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Ngày 15/5/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 60/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

# LÃNH ĐẠO VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM HIỆN NAY



## CHỦ TỊCH VIỆN
## GIÁO SƯ, VIỆN SĨ CHÂU VĂN MINH

**Lĩnh vực phụ trách:** Lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ của Viện; chỉ đạo, giải quyết những công việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Viện được Chính phủ quy định; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; trực tiếp quản lý và điều hành công tác hợp tác quốc tế.



### PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN
### PGS.TS. TRẦN TUẤN ANH

**Lĩnh vực phụ trách:**

Giúp Chủ tịch Viện trong quản lý và điều hành các lĩnh vực công tác: Tổ chức - Cán bộ, Thi đua - Khen thưởng, Kiểm tra và Văn phòng; chỉ đạo thực hiện Đề án Xây dựng Trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Viện giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện về các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện phân công.



### PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN
### GS.TS. CHU HOÀNG HÀ

**Lĩnh vực phụ trách:**

Giúp Chủ tịch Viện trong quản lý và điều hành các lĩnh vực công tác: Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Hợp tác với các Bộ, ngành, địa phương, Đào tạo đại học và Sau đại học; chỉ đạo thực hiện Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Viện giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện về các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện phân công.

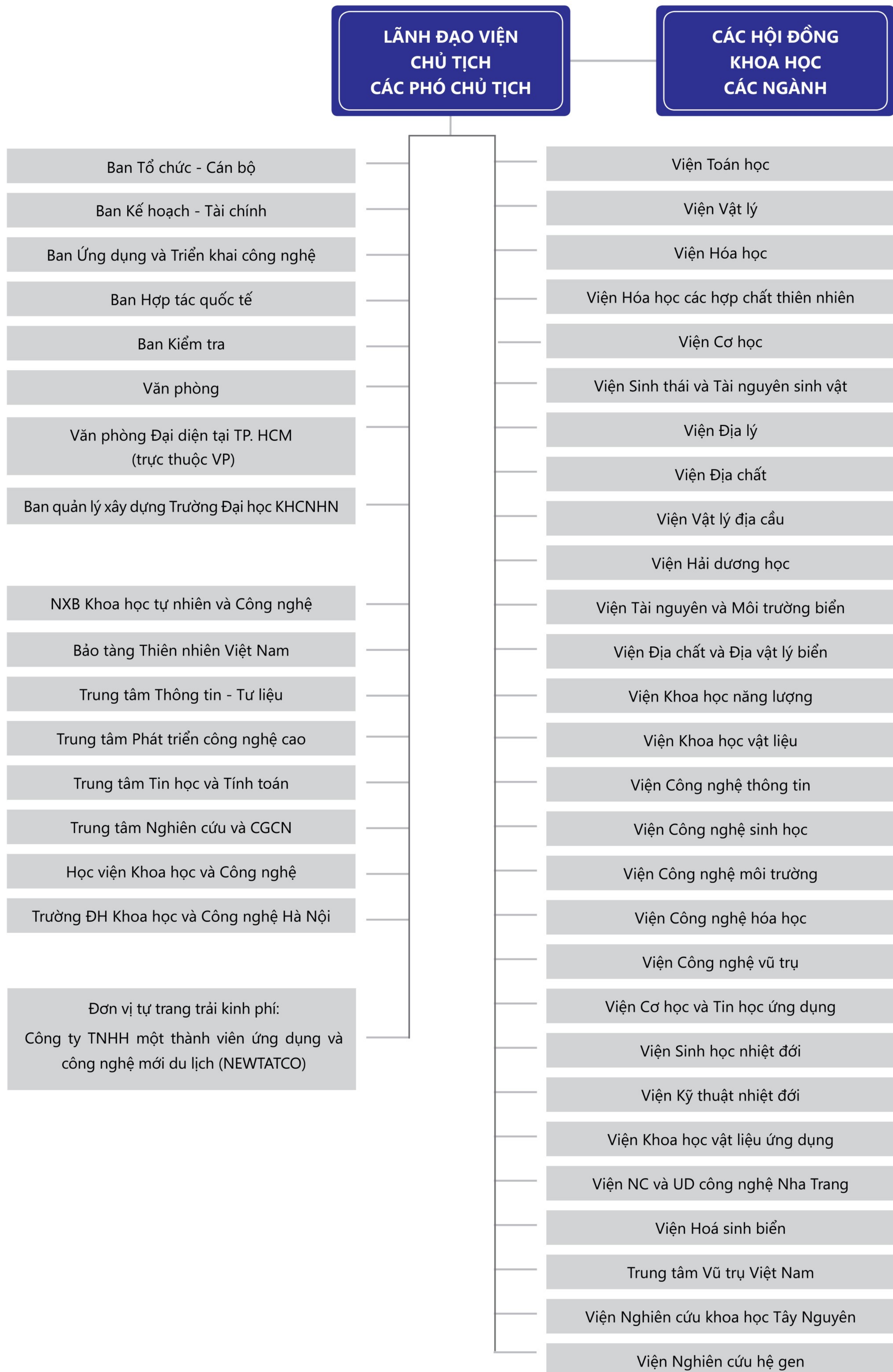


### PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN
### GS.TS. LÊ TRƯỜNG GIANG

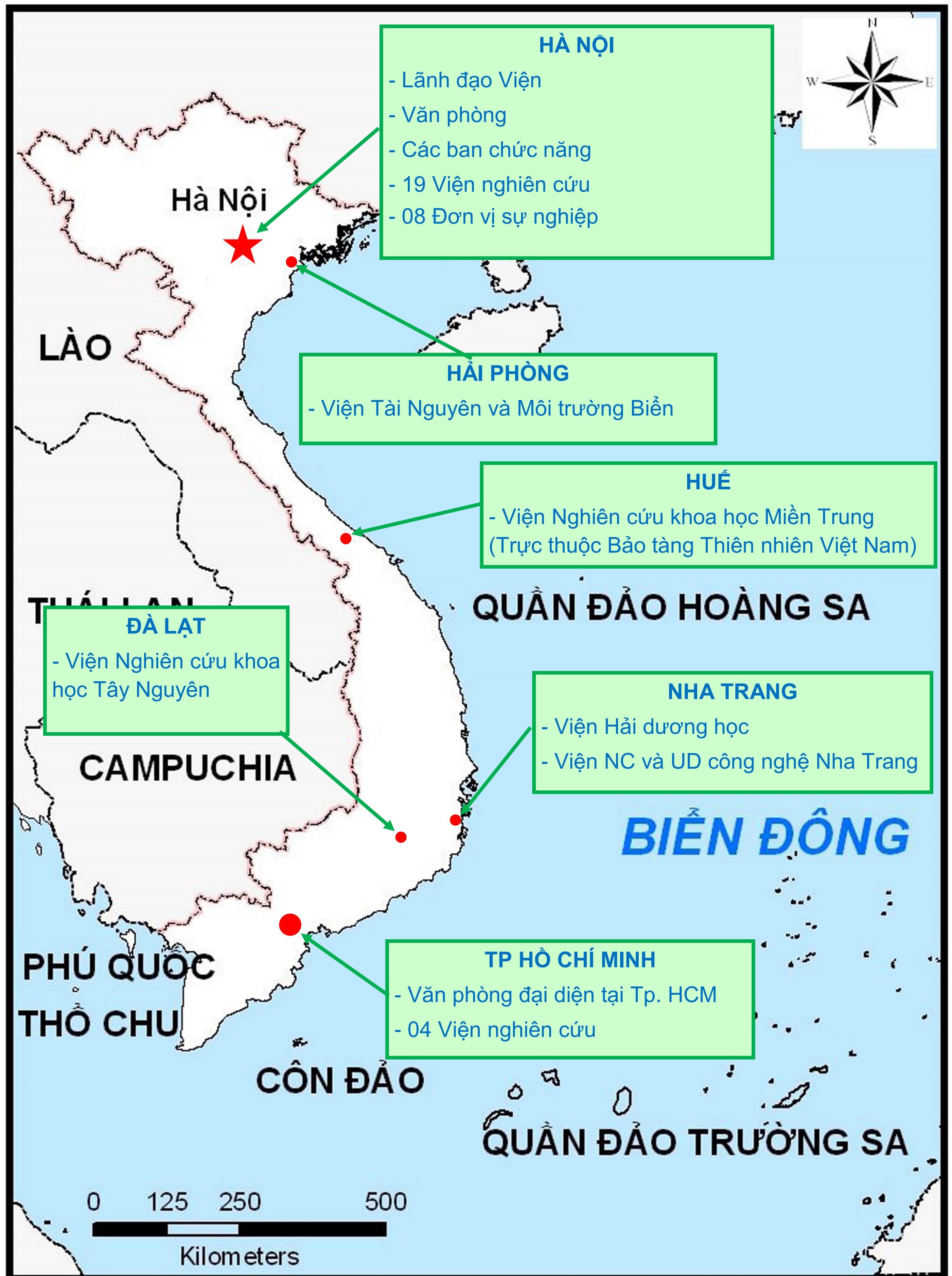
**Lĩnh vực phụ trách:**

Giúp Chủ tịch Viện trong quản lý và điều hành các lĩnh vực công tác: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý khoa học; chỉ đạo thực hiện Dự án Phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát trái đất; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Viện giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện về các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện phân công.

# CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM



# VỊ TRÍ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM



# SƠ ĐỒ CHỈ DẪN CÁC TÒA NHÀ TẠI TRỤ SỞ CHÍNH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (Số 18 - Hoàng Quốc Việt - Hà Nội)



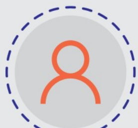
# CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM



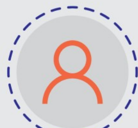
**3.552**
Cán bộ nhân viên



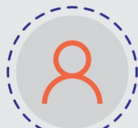
**2.351**
Cán bộ biên chế



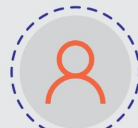
**55**
GIÁO SƯ



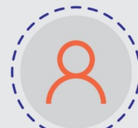
**159**
PHÓ GIÁO SƯ



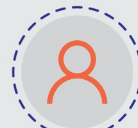
**959**
TIẾN SĨ - TIẾN SĨ KHOA HỌC



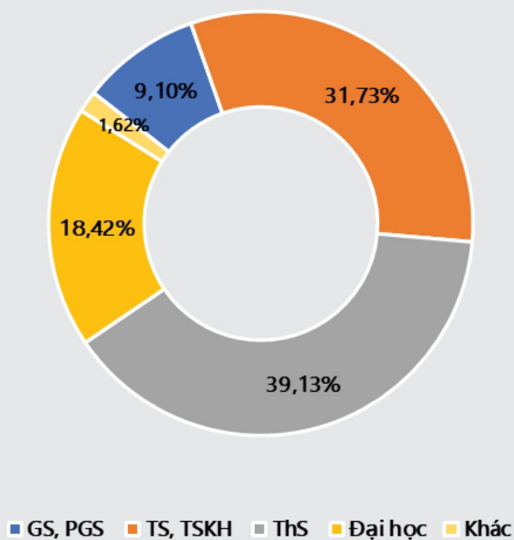
**920**
THẠC SĨ



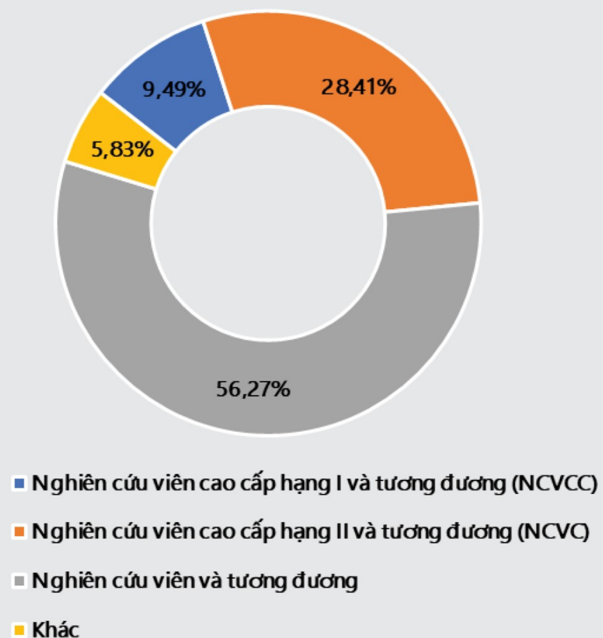
**223**
NCVCC VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG



**668**
NCVC VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG




*Phân bố lực lượng cán bộ theo trình độ*




*Phân bố lực lượng cán bộ theo ngạch viên chức*

*Số liệu tính đến 31/12/2021*

# Ngoài các phòng thí nghiệm tại các đơn vị trực thuộc, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam có 04 Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp Quốc gia

## Phòng thí nghiệm trọng điểm về Vật liệu và Linh kiện điện tử

**Trực thuộc Viện Khoa học vật liệu.**

**Hướng nghiên cứu chính:**

- Vật liệu từ cứng (khảo sát ảnh hưởng của một số nguyên tố (Fe, B) và các điều kiện công nghệ (chế độ nghiệm chế độ thiêu kết và chế độ xử lý nhiệt) lên cấu trúc và tính chất của nam châm thiêu kết Nd-Fe-B);
- Vật liệu nano tinh thể perovsite.
- Nghiên cứu công nghệ chế tạo nam châm thiêu kết (Nd, Dy)-Fe-B có lực kháng từ cao, quy mô bán công nghiệp, ứng dụng trong mô tơ và máy phát điện

Nguồn: ims.ac.vn

## Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ gen

**Trực thuộc Viện Công nghệ sinh học.**

**Hướng nghiên cứu chính:**

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ gen;
- Tham gia đào tạo cán bộ KH&CN thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực Công nghệ gen;
- Giám định các kết quả phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm có liên quan đến công nghệ gen.

Nguồn: www.ibt.ac.vn

## Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ tế bào thực vật phía Nam

**Trực thuộc Viện Sinh học nhiệt đới.**

**Hướng nghiên cứu chính:**

– Nghiên cứu xây dựng công nghệ sản xuất sinh khối mô/tế bào/cây một số cây dược liệu quý phục vụ sản xuất hợp chất thứ cấp dùng trong ngành mỹ phẩm/y dược.
– Nghiên cứu kết hợp đa công nghệ dùng nhân giống sản xuất một số cây công nghiệp (cây lấy gỗ, cà phê, hồ tiêu, chuối, cây hoa,…) phục vụ ngành trồng rừng, chế biến gỗ, chế biến thực phẩm và trang trí cảnh quan.
– Phát triển nghiên cứu biến nạp gen vào lục lạp tế bào và nhân tế bào, từng bước đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong thực tiễn (chọn một/hai đối tượng cây trồng biến đổi gen để xây dựng mô hình triển khai).
– Nghiên cứu biến nạp gen bằng công nghệ Nanotransformation.
– Nghiên cứu xây dựng, phát triển và ứng dụng vật liệu nano hấp thụ hoạt chất thứ cấp trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ thực vật.

Nguồn: itb.ac.vn

## Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ mạng và Đa phương tiện

**Trực thuộc Viện Công nghệ thông tin**

**Các hướng nghiên cứu chính:**

● Hướng công nghệ mạng

- Nghiên cứu các mạng tiên tiến băng thông rộng hội tụ đa dịch vụ
- Nghiên cứu mạng không dây theo các chuẩn thế hệ mới và các loại hình dịch vụ truy nhập, ứng dụng trên mạng không dây
- Nghiên cứu các giải pháp quan trị, bảo đảm an toàn, bảo mật, nâng cao hiệu năng cho các mạng thế hệ mới, mạng không dây, mạng ngang hàng, mạng tính toán lưới, mạng xã hội
- Nghiên cứu phát triển tiềm lực tính toán khoa học hiện đại tại phòng TNTĐ Công nghệ mạng và Đa phương tiện bao gồm nghiên cứu kết hợp các giải pháp tính toán hiệu năng cao, tính toán lưới, điện toán đám mây và ứng dụng

● Hướng đa phương tiện

- Nghiên cứu các công nghệ thực tại ảo mới phù hợp với tình hình phát triển ứng dụng công nghệ ở nước ta
- Nghiên cứu phát triển hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện, cơ sở dữ liệu không gian và ứng dụng
- Nghiên cứu các phương pháp nhận dạng và xử lý hình ảnh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên
- Nghiên cứu công nghệ nhận dạng, dịch văn bản, tiếng nói giữa các ngôn ngữ, xây dựng hệ thống đối thoại trực tiếp bằng ngôn ngữ tự nhiên ( đa ngôn ngữ) giữa người và máy tính

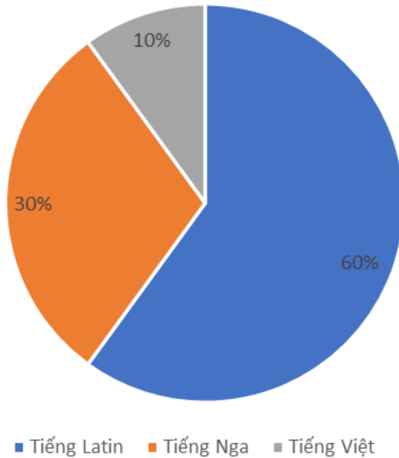
● Hướng kết hợp giữa đa phương tiện và công nghệ mạng

- Nghiên cứu phát triển các ứng dụng đa phương tiện trên nền mạng không dây băng thông rộng thế hệ mới (3G, 4G, WiMAX...)
- Nghiên cứu các công nghệ xử lý văn bản, tiếng nói tiếng Việt thông qua môi trường Web 2.0 trên mạng tiên tiến thế hệ mới.

Nguồn: www.ioit.ac.vn

# NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH, TẠP CHÍ TẠI THƯ VIỆN VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

## TÀI LIỆU BẢN GIẤY




*Hơn 23000 bản tài liệu với nhiều ngôn ngữ.*

| Stt | Loại sách | Số lượng |
|---|---|---|
| | **Đã nhập vào phần mềm KOHA (có thể tra cứu online)** | **15.970** |
| 1 | Sách chuyên khảo | 14.227 |
| 2 | Sách giáo trình | 111 |
| 3 | Sách tra cứu | 1.632 |
| | **Chưa nhập vào phần mềm KOHA** | **10.435** |
| 1 | Sách Tiếng Nga | 10.435 |
| | **TỔNG CỘNG** | **26.405** |

## SÁCH ĐIỆN TỬ

69

69 tên sách điện tử của NXB Elservier, mua truy cập dùng vĩnh viễn

## TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ

*Hơn 3.800 tạp chí điện tử được mua quyền truy cập từ năm 1996 đến nay bao gồm*

| Stt | Nhà xuất bản | Số lượng |
|---|---|---|
| 1 | ScienceDirect | 2270 |
| 2 | SpringerLink | 1400 |
| 3 | Institue of Physics (IOP) | 80 |
| 4 | American Physical of Society (APS) | 14 |
| 5 | American Chemical Society ( ACS) | 38 |
| 6 | American Institute of Physics (AIP) | 15 |
| 7 | MathSciNet mua chung với Viện Toán học | |
| 8 | Proquest Central mua chung với Cục thông tin KHCN | |
| 9 | Các CSDL miễn phí khác | |

# HỆ THỐNG BẢO TÀNG CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM




*Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (trực thuộc Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam)*

SƠ ĐỒ THAM QUAN BẢO TÀNG HẢI DƯƠNG HỌC
MUSEUM OF OCEANOGRAPHY DIAGRAM
CARTE DE MUSÉUM DE OCÉANOGRAPHIQUE
СХЕМА МУЗЕЯ ОКЕАНОГРАФИИ

VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC
Địa chỉ: 01 Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hoà, Việt Nam
Tel: (84.58) 3590036 - Fax: (84.58) 3590034
Website: www.vnio.org.vn - Email: mail@vnio.org.vn

Dinh Bảo Đại
Vịnh Nha Trang
Đường Trần Phú
Cảng Nha Trang
WELCOME

1 Hồ nuôi sinh vật biển và rừng ngập mặn / Aquarium and Mangrove / Aquarium et Mangrove / Аквариум и Мангровы
2 Mẫu vật lớn / Large specimen / Grands specimens / Большие образецы
3 Rạn nhân tạo / Artificial reef / Récif artificiel / Искусственный риф
4 Tài nguyên biển đảo Hoàng Sa – Trường Sa / Marine resources of the Spratly and Paracel archipelagos / Les ressources marines des archipels des Spratleys et Paracels / Морские ресурсы архипелагов Спратли и Парасельские
5 Đa dạng sinh học biển / Marine biodiversity / La biodiversité marine / Разнообразия морских оБитателей

Phòng vé / Ticket counter / Cashier / Касса
Sảnh đón khách / Reception / Réception / Ресепшн
Nhà vệ sinh / Toilet / Toilettes / Туалет
Cầu cảng / Port / Port / Порт
Cửa chính / Main gate / Porte / Главный вход
Phòng làm việc / Workplace / Lieu de travail / Рабочая зона

*Sơ đồ tham quan Bảo tàng Hải dương học. Nguồn: vnio.org.vn*

# CÔNG TÁC XUẤT BẢN CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

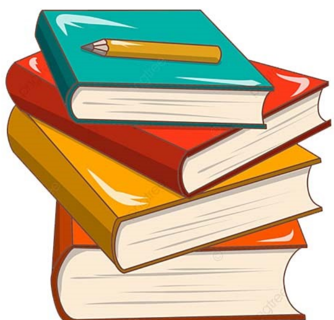
## XUẤT BẢN TẠP CHÍ

12

12 tạp chí Khoa học và Công nghệ được xuất bản tại Viện. Trong đó: 05 Tạp chí được chỉ mục trong hệ thống của WoS và Scopus .

1. **Vietnam Journal of Mathematics (ESCI, Scopus)**
2. Communications in Physics
3. Vietnam Journal of Mechanics
4. Journal of Computer Science and Cybernetics
5. **Advances in natural sciences: Nanoscience and nano-technology (ESCI, Scopus)**
6. Vietnam Journal of Science and Tech nology
7. **Vietnam Journal of Chemistry (ESCI, Scopus)**
8. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển
9. Tạp chí Công nghệ Sinh học
10. **Vietnam Journal of Earth Sciences (ESCI, Scopus)**
11. Academia Journal of Biology
12. **Acta Mathematica Vietnamica (ESCI, Scopus)**

## XUẤT BẢN SÁCH



- Nhiều đầu sách chuyên khảo được xuất bản mỗi năm.
- Hoạt động liên kết xuất bản luôn được đẩy mạnh.
- Các khâu biên tập, chế bản, phát hành được thực hiện kỹ lưỡng, cẩn thận, đúng quy trình.

# CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**12 Khoa chuyên ngành**

- 1. Khoa Toán học
- 2. Khoa Vật lý
- 3. Khoa Hoá học
- 4. Khoa Cơ học và Tự động hoá
- 5. Khoa Sinh thái và TN sinh vật
- 6. Khoa Địa lý
- 7. Khoa Các khoa học trái đất
- 8. Khoa Khoa học và Công nghệ biển
- 9. Khoa KH vật liệu và Năng lượng
- 10. Khoa CNTT và Viễn thông
- 11. Khoa Công nghệ sinh học
- 12. Khoa Công nghệ môi trường

**02 Bộ môn**

- 1. Bộ môn Triết học
- 2. Bộ môn Ngoại ngữ

**05 Chương trình đào tạo**

- Đào tạo trình độ Thạc sĩ
- Đào tạo tiền Tiến sĩ
- Đào tạo Tiến sĩ.
- Đào tạo Tiến sĩ chất lượng quốc tế.
- Đào tạo sau Tiến sĩ.

USTH
VIETNAM FRANCE UNIVERSITY
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI (USTH)

**10 Khoa đào tạo**

- Khoa Đào tạo Đại cương
- Khoa Khoa học Sự sống
- Khoa KHVL tiên tiến và Công nghệ Nano
- Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông
- Khoa Nước - Môi trường - Hải dương học
- Khoa Năng lượng
- Khoa Vũ trụ và Ứng dụng
- Khoa Khoa học cơ bản và Ứng dụng
- Khoa Hàng không
- Khoa Đào tạo Tiến sĩ

**03 Hệ đào tạo**

- Đại học
- Thạc sĩ
- Tiến sĩ

VIỆN TOÁN HỌC HANOI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN TOÁN HỌC

## VIỆN TOÁN HỌC

- Đào tạo Cao học (Chương trình liên kết với Học viện KH&CN)
- Đào tạo Cao học trình độ Quốc tế
- Đào tạo Nghiên cứu sinh

# SỐ LƯỢNG CÁC ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ CÁC CẤP THỰC HIỆN NĂM 2021

| TT | Tên chương trình | Số đề tài, nhiệm vụ |
|---|---|---|
| 1 | Đề tài KC | 10 |
| 2 | Đề tài nghiên cứu cơ bản | 229 |
| 3 | Đề tài độc lập cấp Quốc gia | 36 |
| 4 | Đề tài Nghị định thư cấp Quốc gia | 29 |
| 5 | Chương trình Tây Nguyên 2016 - 2020 | 1 |
| | *- Hoạt động của Ban chủ nhiệm và Văn phòng* | 1 |
| 6 | Chương trình KHCN Vũ trụ | 1 |
| | *+ Hoạt động của Ban chủ nhiệm và Văn phòng* | 1 |
| 7 | Dự án điều tra cơ bản | 24 |
| | *- Dự án điều tra cơ bản* | *9* |
| | *- Hệ thống đài trạm* | *15* |
| 8 | Dự án Bảo vệ môi trường | 12 |
| 9 | Chương trình KHCN trọng điểm giao Bộ, Ngành | 9 |
| 10 | Dự án trọng điểm cấp Viện Hàn lâm | 11 |
| 11 | Dự án Bộ sưu tập mẫu vật Quốc gia về thiên nhiên Việt Nam | 1 |
| 12 | Đề tài theo các hướng ưu tiên cấp Viện Hàn lâm | 91 |
| | *- Công nghệ thông tin, Điện tử, Tự động hoá và Công nghệ vũ trụ (VAST01)* | *19* |
| | *- Công nghệ sinh học (VAST02)* | *10* |
| | *- Khoa học vật liệu (VAST03)* | *21* |
| | *- Đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học (VAST04)* | *19* |
| | *- Khoa học Trái Đất (VAST05)* | *6* |
| | *- Khoa học và Công nghệ biển (VAST06)* | *6* |
| | *- Môi trường - Năng lượng (VAST07)* | *10* |
| 13 | Chương trình Vật lý cấp Bộ | 18 |
| 14 | Chương trình theo Quyết định 562 | 22 |
| 15 | Đề tài hợp tác với Bộ, Ngành - địa phương | 8 |
| 16 | Đề tài phát triển công nghệ cấp Viện Hàn lâm | 18 |
| 17 | Dự án Sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm | 8 |

| TT | Tên chương trình | Số đề tài, nhiệm vụ |
|---|---|---|
| 18 | Dự án Phát triển sản phẩm thương mại cấp Viện Hàn lâm | 8 |
| 19 | Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm | 15 |
| 20 | Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm | 19 |
| 21 | Nhiệm vụ do Chủ tịch giao trực tiếp | 18 |
| 22 | Nhiệm vụ HTQT do Viện Hàn lâm KHCNVN hỗ trợ | 88 |
| 23 | Đề tài thu hút cán bộ trẻ | 14 |
| | **Cộng** | **691** |
| 24 | Đối ứng các dự án ODA: | 2 |
| | *- Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam*<br>*- Dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội* | |
| 25 | Vốn ODA nước ngoài (Gồm vốn đầu tư XDCB và vốn sự nghiệp) | |
| 26 | Vốn NGO nước ngoài | |

## THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC ĐỀ TÀI NCCB VIỆN HÀN LÂM KHCNVN ĐƯỢC TUYỂN CHỌN GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

| TT | Lĩnh vực tài trợ | Tổng số đề tài NCCB Viện Hàn lâm KHCNVN được tài trợ theo từng năm | | | | | | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021(*) | |
| 1 | Toán học | 2 | 15 | 2 | 7 | 4 | 0 | **30** |
| 2 | Khoa học thông tin và máy tính | | 2 | | | | 1 | **3** |
| 3 | Vật lý | 11 | 26 | 17 | 15 | 7 | 1 | **77** |
| 4 | Hoá học | 12 | 24 | 14 | 21 | 9 | 2 | **82** |
| 5 | Khoa học Trái Đất | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 | 0 | **13** |
| 6 | Sinh học nông nghiệp | 12 | 19 | 16 | 23 | 9 | 1 | **80** |
| 7 | Y Sinh | 1 | 2 | 2 | 4 | 3 | 0 | **12** |
| 8 | Cơ học | 2 | 2 | 3 | 1 | 1 | 0 | **9** |
| **Tổng số** | | **43** | **93** | **56** | **74** | **35** | **5** | **306** |

(*) *Số liệu của năm 2021 dựa trên Quyết định đợt đánh giá xét chọn năm 2021 theo Quyết định số 94/QĐ-HĐQL-NAFOSTED*

# THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHCNVN NĂM 2021 (TỪ 01/12/2020 ĐẾN 30/11/2021)

**Sắp xếp theo thứ tự giảm dần của số công bố thuộc danh mục SCI-E**

| TT | Tên đơn vị | Bài báo quốc tế | | | | Bài báo trong nước | | | Sách chuyên khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | SCI-E | VAST1(**) | ISSN | Tổng | VAST2(***) | Khác | |
| 1 | Viện Khoa học vật liệu | 152 | 140 | 4 | 8 | 14 | 14 | | |
| 2 | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật | 169 | 139 | 1 | 29 | 11 | 11 | | |
| 3 | Viện Hóa học | 128 | 114 | 4 | 10 | 50 | 10 | 40 | 4 |
| 4 | Viện Hóa sinh biển | 97 | 85 | 11 | 1 | 18 | 5 | 13 | |
| 5 | Viện Công nghệ sinh học | 88 | 79 | | 9 | 91 | 33 | 58 | 6 |
| 6 | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | 95 | 77 | 12 | 6 | 29 | 18 | 11 | 2 |
| 7 | Viện Toán học | 77 | 66 | 4 | 7 | 6 | 2 | 4 | 1 |
| 8 | Viện Vật lý | 63 | 62 | 1 | 0 | 24 | 11 | 13 | 1 |
| 9 | Viện Hóa học các HCTN | 73 | 61 | 3 | 9 | 40 | 22 | 18 | 3 |
| 10 | Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam | 73 | 54 | | 19 | 2 | 2 | | |
| 11 | Viện Sinh học nhiệt đới | 69 | 53 | 2 | 14 | 59 | 5 | 54 | 2 |
| 12 | Viện Khoa học vật liệu ứng dụng | 52 | 47 | 2 | 3 | 3 | 3 | | |
| 13 | Trung tâm Nghiên cứu và CGCN | 52 | 46 | 2 | 4 | 35 | 27 | 8 | 3 |
| 14 | Viện Công nghệ môi trường | 49 | 46 | 1 | 2 | 14 | 14 | | 1 |
| 15 | Viện Công nghệ hóa học | 51 | 46 | 4 | 1 | 11 | 2 | 9 | 1 |
| 16 | Viện Địa chất | 54 | 41 | 9 | 4 | 21 | 4 | 17 | 4 |
| 17 | Viện Tài nguyên và Môi trường biển | 33 | 30 | 1 | 2 | 37 | 24 | 13 | 9 |
| 18 | Viện Địa lý | 41 | 27 | 3 | 11 | 4 | 4 | | 7 |
| 19 | Viện Nghiên cứu hệ gen | 32 | 27 | 2 | 3 | 41 | 30 | 11 | 2 |
| 20 | Viện Hải dương học | 36 | 25 | | 11 | 44 | 32 | 12 | 5 |
| 21 | Viện NCKH miền Trung* | 35 | 23 | 1 | 11 | 10 | 5 | 5 | 2 |
| 22 | Viện Công nghệ thông tin | 28 | 22 | | 6 | 5 | 1 | 4 | |
| 23 | Viện Cơ học | 20 | 18 | | 2 | 9 | 9 | | |
| 24 | Trung tâm Vũ trụ Việt Nam | 18 | 17 | | 1 | 4 | 1 | 3 | 4 |
| 25 | Viện Cơ học và Tin học ứng dụng | 17 | 16 | | 1 | 1 | | 1 | 3 |

| TT | Tên đơn vị | Bài báo quốc tế | | | | Bài báo trong nước | | | Sách chuyên khảo |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng | SCI-E | VAST1(**) | ISSN | Tổng | VAST2(***) | Khác | |
| 26 | Viện NCƯD Công nghệ Nha Trang | 23 | 15 | 1 | 7 | 24 | 14 | 10 | 4 |
| 27 | Viện Vật lý địa cầu | 19 | 15 | 1 | 3 | 5 | 1 | 4 | |
| 28 | Viện NCKH Tây Nguyên | 17 | 15 | | 2 | 10 | 10 | | |
| 29 | Viện Địa lý tài nguyên TP. HCM* | 18 | 14 | | 4 | 10 | | 10 | |
| 30 | Trung tâm Phát triển công nghệ cao | 16 | 13 | | 3 | 9 | 3 | 6 | |
| 31 | Viện Sinh thái học miền Nam* | 12 | 11 | | 1 | | | | |
| 32 | Viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh* | 10 | 10 | | | 2 | 1 | 1 | |
| 33 | Viện Địa chất và Địa vật lý biển | 9 | 7 | 2 | | 13 | 10 | 3 | 2 |
| 34 | Trung tâm Tin học và Tính toán | 7 | 7 | | | 3 | | 3 | 1 |
| 35 | Viện Công nghệ vũ trụ | 9 | 6 | | 3 | 5 | | 5 | |
| 36 | Viện Khoa học năng lượng | 24 | 5 | | 19 | 4 | | 4 | |
| 37 | Nhà xuất bản KHTN&CN | 7 | 2 | 5 | | 3 | 3 | | |
| 38 | Trung tâm Thông tin - Tư liệu | 1 | 1 | | | | | | |
| 39 | Học viện Khoa học và Công nghệ | 44 | 44 | | | 7 | 7 | | |
| 40 | Trường Đại học KHCN Hà Nội | 124 | 105 | 8 | 11 | 16 | 16 | | 7 |
| 41 | Học viện Khoa học và Công nghệ (****) | 581 | 501 | | 80 | 73 | 73 | | |
| **Số công trình ghi Viện Hàn lâm nhưng không ghi tên đơn vị** | | **3** | **2** | | **1** | **3** | **3** | | |
| **Tổng số công trình tính thành tích (*****)** | | **1.945** | **1.633** | **84** | **228** | **697** | **357** | **340** | **74** |
| **Số công trình phối hợp giữa 02 hoặc 03 đơn vị** | | **280** | **253** | **14** | **13** | **34** | **34** | | |
| **Tổng số công trình của VHL năm 2021 (******)** | | **1.607** | **1.324** | **68** | **215** | **658** | **318** | **340** | **74** |

*(*) Đơn vị đã sáp nhập theo QĐ 1828/QĐ-VHL, 1813/QĐ-VHL, 1556/QĐ-VHL, 1809/QĐ-VHL*
*(**) VAST1: 05 tạp chí đạt chuẩn quốc tế (Vietnam Journal of Mathematics, Acta Mathematica Vietnamica, Advances in Natural Sciences, Journal of Chemistry, Vietnam Journal of Earth Sciences);*
*(***) VAST2: 07 tạp chí còn lại của Viện Hàn lâm KHCNVN;*
*(****) Bao gồm các công trình công bố của các giảng viên từ các đơn vị của Viện Hàn lâm KHCNVN;*
*(*****) Bao gồm các công trình phối hợp chung của nhiều đơn vị;*
*(******) Tính một lần cho các công trình phối hợp chung của các đơn vị.*

# THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẰNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHCNVN TỪ 01/12/2020 ĐẾN NĂM 30/11/2021

**Sắp xếp theo thứ tự giảm dần của tổng số văn bằng sở hữu trí tuệ**

| TT | Tên đơn vị | Bằng độc quyền sáng chế | Bằng độc quyền giải pháp hữu ích | Tổng số văn bằng sở hữu trí tuệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Viện Công nghệ sinh học | 4 | 9 | 13 |
| 2 | Viện Công nghệ môi trường | 2 | 6 | 8 |
| 3 | Viện Khoa học vật liệu | 5 | 1 | 6 |
| 4 | Viện Hóa học các HCTN | 2 | 4 | 6 |
| 5 | Viện Hóa học | 3 | 2 | 5 |
| 6 | Trung tâm Phát triển công nghệ cao | 3 | 2 | 5 |
| 7 | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật | 4 | 0 | 4 |
| 8 | Viện Hóa sinh biển | 3 | 1 | 4 |
| 9 | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | 1 | 2 | 3 |
| 10 | Viện Công nghệ hóa học | 2 | 0 | 2 |
| 11 | Viện Cơ học | 1 | 1 | 2 |
| 12 | Viện Khoa học năng lượng | 0 | 2 | 2 |
| 13 | Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ | 0 | 1 | 1 |
| 14 | Viện Tài nguyên và Môi trường biển | 0 | 1 | 1 |
| 15 | Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung* | 1 | 0 | 1 |
| **Tổng số** | | **31** | **32** | **63** |

# THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÔNG BỐ CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC SCI-E, SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN HÀN LÂM TỪ 01/12/2020 ĐẾN 30/11/2021

**Sắp xếp theo thứ tự giảm dần của tỷ lệ số bài báo trong các tạp chí thuộc danh sách SCI-E và sở hữu trí tuệ so với số cán bộ khoa học trong biên chế**

| TT | Tên đơn vị | Bài báo SCI-E | Sở hữu trí tuệ | | Tổng số công bố ISI và SHTT | Số lượng biên chế (*) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | PMSC | GPHI | | | |
| 1 | Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ | 46 | 0 | 1 | 47 | 20 | 2,61 |
| 2 | Viện Hóa sinh biển | 85 | 3 | 1 | 89 | 40 | 2,47 |
| 3 | Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam | 54 | 0 | 0 | 54 | 27 | 2,22 |
| 4 | Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên | 61 | 2 | 4 | 67 | 41 | 1,82 |
| 5 | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật | 139 | 4 | 0 | 143 | 95 | 1,67 |
| 6 | Viện Nghiên cứu hệ gen | 27 | 0 | 0 | 27 | 19 | 1,58 |
| 7 | Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung** | 23 | 1 | 0 | 24 | 18 | 1,48 |
| 8 | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | 77 | 1 | 2 | 80 | 64 | 1,39 |
| 9 | Viện Khoa học vật liệu ứng dụng | 47 | 0 | 0 | 47 | 38 | 1,37 |
| 10 | Viện Công nghệ môi trường | 46 | 2 | 6 | 54 | 45 | 1,33 |
| 11 | Viện Công nghệ hóa học | 46 | 2 | 0 | 48 | 41 | 1,30 |
| 12 | Viện Hóa học | 114 | 3 | 2 | 119 | 109 | 1,21 |
| 13 | Viện Sinh thái học Miền Nam** | 11 | 0 | 0 | 11 | 11 | 1,11 |
| 14 | Viện Toán học | 66 | 0 | 0 | 66 | 67 | 1,09 |
| 15 | Viện Sinh học nhiệt đới | 53 | 0 | 0 | 53 | 63 | 0,93 |
| 16 | Viện Khoa học vật liệu | 140 | 5 | 1 | 146 | 177 | 0,92 |
| 17 | Viện Tài nguyên và Môi trường biển | 30 | 0 | 1 | 31 | 42 | 0,82 |
| 18 | Viện Vật lý | 62 | 0 | 0 | 62 | 90 | 0,77 |
| 19 | Viện Công nghệ sinh học | 79 | 4 | 9 | 92 | 142 | 0,72 |

| TT | Tên đơn vị | Bài báo SCI-E | Sở hữu trí tuệ | | Tổng số công bố ISI và SHTT | Số lượng biên chế (*) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | PMSC | GPHI | | | |
| 20 | Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên | 15 | 0 | 0 | 15 | 27 | 0,62 |
| 21 | Trung tâm Phát triển công nghệ cao | 13 | 3 | 2 | 18 | 34 | 0,59 |
| 22 | Viện Địa lý tài nguyên TP. Hồ Chí Minh** | 14 | 0 | 0 | 14 | 28 | 0,56 |
| 23 | Trung tâm Vũ trụ Việt Nam | 17 | 0 | 0 | 17 | 36 | 0,52 |
| 24 | Viện Địa chất | 41 | 0 | 0 | 41 | 91 | 0,50 |
| 25 | Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ NT | 15 | 0 | 0 | 15 | 38 | 0,44 |
| 26 | Trung tâm Tin học và Tính toán | 7 | 0 | 0 | 7 | 19 | 0,41 |
| 27 | Viện Địa lý | 27 | 0 | 0 | 27 | 80 | 0,38 |
| 28 | Viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh** | 10 | 0 | 0 | 10 | 31 | 0,36 |
| 29 | Viện Hải dương học | 25 | 0 | 0 | 25 | 84 | 0,33 |
| 30 | Viện Cơ học và Tin học ứng dụng | 16 | 0 | 0 | 16 | 58 | 0,31 |
| 31 | Viện Cơ học | 18 | 1 | 1 | 20 | 85 | 0,26 |
| 32 | Viện Vật lý địa cầu | 15 | 0 | 0 | 15 | 67 | 0,25 |
| 33 | Viện Khoa học năng lượng | 5 | 0 | 2 | 7 | 33 | 0,24 |
| 34 | Viện Công nghệ thông tin | 22 | 0 | 0 | 22 | 113 | 0,22 |
| 35 | Viện Công nghệ vũ trụ | 6 | 0 | 0 | 6 | 37 | 0,18 |
| 36 | Viện Địa chất và Địa vật lý biển | 7 | 0 | 0 | 7 | 53 | 0,15 |
| 37 | Nhà xuất bản KHTNVCN | 2 | 0 | 0 | 2 | 25 | 0,09 |
| 38 | Trung tâm Thông tin - Tư liệu | 1 | 0 | 0 | 1 | 23 | 0,05 |

*(*) Số cán bộ khoa học trong biên chế được tính bằng 90 % tổng số cán bộ trong biên chế đang làm việc tại đơn vị*

*(**) Đơn vị đã sáp nhập theo QĐ 1828/QĐ-VHL, 1813/QĐ-VHL, 1556/QĐ-VHL, 1809/QĐ-VHL*

# CÁC HỢP ĐỒNG KHCN CỦA VIỆN HÀN LÂM KHCNVN

| TT | Tên đơn vị | Hợp đồng có nguồn gốc NSNN | Hợp đồng ngoài | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Viện Công nghệ môi trường | 2 | 1.064 | 1.066 |
| 2 | Viện Khoa học vật liệu | | 17 | 17 |
| 3 | Viện Hóa học | 4 | 20 | 24 |
| 4 | Viện Hóa học các HCTN | 10 | 24 | 34 |
| 5 | Viện Khoa học năng lượng | 2 | 37 | 39 |
| 6 | Viện Sinh học nhiệt đới | 12 | 5 | 17 |
| 7 | Trung tâm Phát triển CN cao | 4 | 3 | 7 |
| 8 | Viện TN&MT biển | 4 | 8 | 12 |
| 9 | Viện Địa lý TN TP. HCM | 5 | 1 | 6 |
| 10 | Viện Công nghệ thông tin | 1 | 13 | 14 |
| 11 | Viện Hải dương học | 5 | 31 | 36 |
| 12 | Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam | 5 | 2 | 7 |
| 13 | Viện KH vật liệu ứng dụng | 8 | 5 | 13 |
| 14 | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | 2 | 37 | 39 |
| 15 | Viện NC&ƯDCN Nha Trang | 2 | 8 | 10 |
| 16 | Viện Cơ học | 3 | 3 | 6 |
| 17 | Trung tâm Tin học và Tính toán | 5 | | 5 |
| 18 | Viện Địa lý | 2 | 48 | 50 |
| 19 | Viện Vật lý | 19 | 5 | 24 |
| 20 | Viện NCKH miền Trung | 6 | 2 | 8 |
| 21 | Viện Công nghệ hóa học | 4 | | 4 |
| 22 | Viện Địa chất | 2 | 18 | 20 |
| 23 | Viện Sinh thái học miền Nam | | 13 | 13 |

| TT | Tên đơn vị | Hợp đồng có nguồn gốc NSNN | Hợp đồng ngoài | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|
| 24 | Viện Vật lý địa cầu | 1 | 12 | 13 |
| 25 | Viện Công nghệ sinh học | 10 | 17 | 27 |
| 26 | Viện ST&TN sinh vật | 2 | 5 | 7 |
| 27 | Trung tâm Nghiên cứu & CGCN | 2 | 78 | 80 |
| 28 | Viện Vật lý ƯD&TBKH | | | |
| 29 | Viện Công nghệ vũ trụ | 1 | 5 | 6 |
| 30 | Trung tâm Vũ trụ Việt Nam | 5 | 18 | 23 |
| 31 | Viện Nghiên cứu hệ gen | 1 | | 1 |
| 32 | Trung tâm Thông tin - Tư liệu | | 2 | 2 |
| 33 | Viện NCKH Tây Nguyên | | 2 | 2 |
| 34 | Viện Hóa sinh biển | 1 | | 1 |
| 35 | Viện ĐC&ĐVL biển | | | |
| 36 | Viện Cơ học và Tin học ƯD | | | |
| 37 | Học viện KHCN | | | |
| 38 | Nhà xuất bản KHTN&CN | | | |
| 39 | Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh | | | |
| 40 | Văn phòng Viện Hàn lâm | | | |
| 41 | Viện Toán học | | | |
| 42 | Viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh | | | |
| 43 | Trường Đại học KHCN Hà Nội | | | |
| | **Tổng cộng** | **130** | **1.503** | **1.633** |

# CÁC GIẢI THƯỞNG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM TRAO TẶNG HOẶC ĐƯỢC TRAO TẶNG

## GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN/TẬP THỂ | TÊN ĐỀ TÀI |
|---|---|---|
| 1996 | GS.VS. Trần Đại Nghĩa | Cụm công trình nghiên cứu và chỉ đạo kỹ thuật chế tạo vũ khí (Bazooka, súng không giật, đạn bay) trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954 |
| 1996 | GS. Lê Văn Thiêm | Cụm công trình về nghiên cứu cơ bản của toán học lý thuyết và những bài toán về ứng dụng (1960 – 1970) |
| 1996 | GS. Hoàng Tụy | Các công trình thuộc lĩnh vực tối ưu hóa, nổi bật là hai công trình: Giải tích tối ưu toàn cục và quy hoạch D.C và ứng dụng (những năm 1960) |
| 1996 | GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu | Công trình Nghiên cứu về các hạt sơ cấp (tính đối xứng, cấu tạo và sự tương tác của các hạt sơ cấp và các chuẩn hạt trong chất rắn) năm 1960 – 1965 |
| 2000 | GS. Nguyễn Văn Đạo | Dao động phi tuyến của các hệ động lực |
| 2005 | Công trình tập thể của nhiều nhà khoa học, trong đó VAST có: GS.TS. Nguyễn Văn Chiển; PGS.TS. Hà Duyên Châu, TS. Nguyễn Can cùng nhóm tác giả | Công trình ATLAS Quốc gia Việt Nam |
| 2012 | Công trình tập thể của hơn 120 nhà khoa học thuộc gần 30 viện, trường, đơn vị nghiên cứu trong cả nước, do Viện KHCN Việt Nam chủ trì<br>- PGS.TS. Lê Xuân Cảnh | Động vật chí Việt Nam và Thực vật chí Việt Nam, Sách Đỏ và Danh lục Đỏ Việt Nam |
| 2017 | GS.TSKH. Ngô Việt Trung, GS.TSKH. Nguyễn Tự Cường, GS.TSKH. Lê Tuấn Hoa | Các bất biến và cấu trúc của vành địa phương và vành phân bậc |

# GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH NIÊN QUẢ CẦU VÀNG
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | TÊN TÁC GIẢ | ĐƠN VỊ |
|---|---|---|
| 2003 | Đỗ Năng Toàn | Viện Công nghệ Thông tin, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia |
| 2005 | Trần Việt Phong | Viện Công nghệ thông tin, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2008 | TS. Nguyễn Trường Thắng | Viện trưởng Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2012 | TS Vũ Tất Thắng | Viện Công nghệ thông tin, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | TS Nguyễn Việt Linh | Viện Công nghệ sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2014 | ThS. Vũ Anh Tài | Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | Phạm Thanh Giang | Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2015 | TS. Nguyễn Xuân Nhiệm | Viện Hóa sinh biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | ThS. Phạm Văn Thế | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | TS. Nguyễn Thiên Tạo | Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2016 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | Tiến sĩ Trần Đình Phong | Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2017 | TS. Nguyễn Thị Ánh Dương | Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. |
| | TS. Phạm Thị Năm | Viện Kỹ thuật nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. |
| 2018 | TS. Nguyễn Đại Hải | Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2019 | TS. Nguyễn Thúy Chinh | Viện Kỹ thuật nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 2021 | TS. Ninh Thế Sơn | Viện Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| | TS. Phạm Văn Trình | Viện Khoa học vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |

# GIẢI THƯỞNG KOVALEVSKAIA
## (Tính đến tháng 5-2022)

| Năm | Cá nhân/Tập thể | Lĩnh vực hoặc tên đề tài đạt giải |
|---|---|---|
| 1993 | GS. TSKH. Nguyễn Thị Lê, Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc Gia | Ký sinh trùng |
| 1997 | TS. Lê Hoàng Thị Tố<br>Phân Viện Vật lý Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc Gia | Toán - Lý |
| 2004 | Tập thể nữ cán bộ khoa học phòng Polyme Dược phẩm, Viện Hoá học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Các nghiên cứu ứng dụng tạo ra nhiều sản phẩm dược liệu chất lượng như thuốc kem Pokysan trị bỏng, polysamin chống sẹo, bột PDP từ vỏ thủy sản… |
| 2005 | Tập thể nữ cán bộ khoa học phòng Vi sinh vật dầu mỏ, Viện Công nghệ sinh học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Từ các kết quả nghiên cứu cơ bản, tập thể nữ khoa học đã đề ra bảy quy trình công nghệ được ứng dụng vào thực tiễn khai thác dầu khí, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo quản và sử dụng sản phẩm dầu mỏ |
| 2010 | PGS.TS. Lương Chi Mai<br>Viện Công nghệ Thông tin, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Nghiên cứu, đào tạo và giảng dạy tập trung vào 3 lĩnh vực: Các cách tiếp cận phân loại dữ liệu không gian và nhận dạng ảnh; nhận dạng ký tự quang học tập trung cho nhận dạng ký tự Việt; nhận dạng tiếng nói và xử lý ngôn ngữ tự nhiên tiếng Việt |
| 2015 | PGS.TS. Đặng Thị Cẩm Hà<br>Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Công bố hơn 160 công trình KHCN trong và ngoài nước. Nổi bật là công nghệ làm sạch dầu ô nhiễm ở các môi trường khác nhau bằng công nghệ phân hủy sinh học |
| 2016 | Tập thể 5 nhà khoa học nữ gồm: PGS.TS Trần Kim Anh, PGS.TS Vũ Thị Bích, PGS.TS Phạm Thu Nga, PGS.TS Trần Hồng Nhung và PGS.TS Nguyễn Phương Tùng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Cụm công trình khoa học “Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng về khoa học và công nghệ nano” |
| 2020 | Tập thể nữ Viện Hóa học các Hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Các nghiên cứu về hoạt tính sinh học có nguồn gốc thiên nhiên, tạo ra nhiều sản phẩm dược liệu chất lượng, được lưu hành rộng trên thị trường |

## GIẢI THƯỞNG NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN/TẬP THỂ | TÊN CÔNG TRÌNH |
|---|---|---|
| 2009 | GS.TS Lê Trần Bình, Viện Công nghệ sinh học | Các công trình nghiên cứu về công nghệ tế bào thực vật và công nghệ gen |
| | GS. Ngô Việt Trung, Viện Toán học | Các công trình nghiên cứu về Đại số giao hoán |
| 2011 | GS.TS. Trần Đức Thiệp và GS.TS. Nguyễn Văn Đỗ, Viện Vật lý | Nghiên cứu cấu trúc hạt nhân và các phản ứng hạt nhân |
| 2012 | GS.TS. Nguyễn Sinh Huy và PGS.TS. Hồ Văn Chín, Viện Địa lý tài nguyên TP HCM | Điều khiển lũ ở Tứ giác Long Xuyên - thoát lũ ra biển Tây |
| 2013 | PGS.TS. Hồ Văn Chín - Viện Địa lý tài nguyên TP HCM và các cộng sự Nguyễn Sinh Huy, Phùng Trung Ngân, Lê Văn Tự, Đoàn Cảnh, Võ Đình Ngộ và Phạm Công Luyện | Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười giai đoạn 1980 – 1987 |

# GIẢI THƯỞNG PHAN CHÂU TRINH
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN | LĨNH VỰC |
|---|---|---|
| 2010 | GS. Hoàng Tụy, Viện Toán học | Đã có những đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực giáo dục, góp phần phát triển nền giáo dục Việt Nam |
| 2016 | GS. Pierre Darriulat, chuyên gia vật lý người Pháp làm việc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Đã có đóng góp cho chính sách phát triển Giáo dục Đại học Việt Nam |

# GIẢI THƯỞNG TRẦN ĐẠI NGHĨA
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN/ TẬP THỂ | ĐƠN VỊ | TÊN CÔNG TRÌNH |
|---|---|---|---|
| 2016 | PGS.TS. Vũ Đức Lợi | Viện Hóa học | Công nghệ sản xuất tinh quặng sắt, thép và vật liệu xây dựng không nung từ bùn đỏ |
| 2019 | GS.TS. Lê Trần Bình<br>PGS.TS. Đinh Duy Kháng<br>TS. Trần Xuân Hạnh | Viện Công nghệ sinh học; Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương. | Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất vaccine cúm gia cầm subtype A/H5N1 ở Việt Nam |
| 2019 | TS. Nguyễn Văn Thao<br>PGS.TS. Đoàn Đình Phương<br>TS. Lê Văn Thụ | Trung tâm Phát triển công nghệ cao; Viện Khoa học vật liệu; Cục Trang bị và kho vận - Bộ Công an | Nghiên cứu tổ hợp vật liệu đặc chủng phục vụ chế tạo bộ hỗ trợ chiến đấu cho người lính và lõi đạn xuyên động năng 85mm |
| 2019 | PGS.TS. Trịnh Văn Tuyên<br>KSC. Mai Trọng Chính<br>TS. Nguyễn Thế Đồng | Viện Công nghệ môi trường; Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường | Nghiên cứu và phát triển công nghệ xử lý chất thải nguy hại công nghiệp và y tế |

# GIẢI THƯỞNG TẠ QUANG BỬU
# (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN/ TẬP THỂ | ĐƠN VỊ | TÊN CÔNG TRÌNH |
|---|---|---|---|
| 2014 | PGS.TS. Nguyễn Bá Ân | Viện Vật lý | Đồng viễn tạo trạng thái lượng tử thông qua các trạng thái W và kiểu W |
| 2015 | GS.TSKH. Nguyễn Đông Yên | Viện Toán học | Qui, N. T., & Yen, N. D. (2014). A class of linear generalized equations. *SIAM Journal on Optimization, 24(1),* 210-231. |
| | PGS.TSKH Phạm Hoàng Hiệp | Viện Toán học | Demailly, J. P., & Phạm, H. H. (2014). A sharp lower bound for the log canonical threshold. *ActaMathematica, 212(1)*, 1-9. |
| 2016 | TS. Phùng Văn Đồng | Viện Vật lý | "Mô hình 3-3-1-1 cho vật chất tối" (3-3-1-1 model for dark matter) |
| 2018 | TS. Trần Đình Phong | Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH) | Coordination polymer structure and revisited hydrogen evolution catalytic mechanism for amorphous molybdenum sulfide |
| 2019 | PGS.TSKH. Phạm Đức Chính | Viện Cơ học | Pham DC, Consistent limited kinematic hardening plasticity theory and path-independent shakedown theorems, International Journal of Mechanical Sciences, 130 (2017) 11-18. |
| | TS. Lê Trọng Lư | Viện Kỹ thuật nhiệt đới | Le T. Lu, Ngo T. Dung, Le D. Tung, Cao T. Thanh, Ong K. Quy, Nguyen V. Chuc, Shinya Maenosonoe and Nguyen T. K. Thanh, Synthesis of magnetic cobalt ferrite nanoparticles with controlled morphology, monodispersity and composition: the influence of solvent, surfactant, reductant and synthetic condition, Nanoscale, 7 (2015), pp 19596-19610. |
| 2022 | GS.TSKH. Ngô Việt Trung | Viện Toán học | Depth functions of symbolic powers of homogeneous ideals (Các hàm độ sâu của lũy thừa hình thức của idean thuần nhất) |

# CÁC GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ TRAO CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THUỘC VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
## (Tính đến tháng 5-2022)

| NĂM | CÁ NHÂN, TỔ CHỨC | TÊN GIẢI THƯỞNG | ĐƠN VỊ TRAO GIẢI |
|---|---|---|---|
| 2006 | GS. Phùng Hồ Hải | Giải thưởng Von Kaven | Quỹ Nghiên cứu khoa học Đức - DFG |
| 2011 | GS. Hoàng Tụy | Giải thưởng Constantin Carathéodory | Hội Tối ưu Toàn cục quốc tế |
| 2013 | GS. Vũ Ngọc Phát | Giải thưởng Thinkers in Residence Australia | Quỹ nghiên cứu khoa học Đại học Deakin, Australia |
| 2019 | GS.TS Phạm Hoàng Hiệp | Giải thưởng Ramanujan năm 2019 | Trung tâm quốc tế Vật lý lý thuyết (International Centre for Theoretical Physics – ICTP) |
| 2020 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Giải thưởng “Dẫn đầu về đổi mới sáng tạo năm 2020” khu vực Nam Á và Đông-Nam Á | Công ty Clarivate (Vương quốc Anh) |
| 2021 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Giải thưởng “Dẫn đầu về đổi mới sáng tạo năm 2021” khu vực Nam Á và Đông-Nam Á | Công ty Clarivate (Vương quốc Anh) |
| 2021 | GS.VS. Châu Văn Minh | Huân chương Bắc đẩu bội tinh | Chính phủ Pháp |
| 2021 | GS.VS. Châu Văn Minh | Huy chương bạc vì những thành tích xuất sắc trong khoa học | Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Belarus |
| 2021 | TS. Phạm Thị Thùy Phương | Giải thưởng Sáng tạo tốt nhất năm 2021 | Quỹ toàn cầu Hitachi |